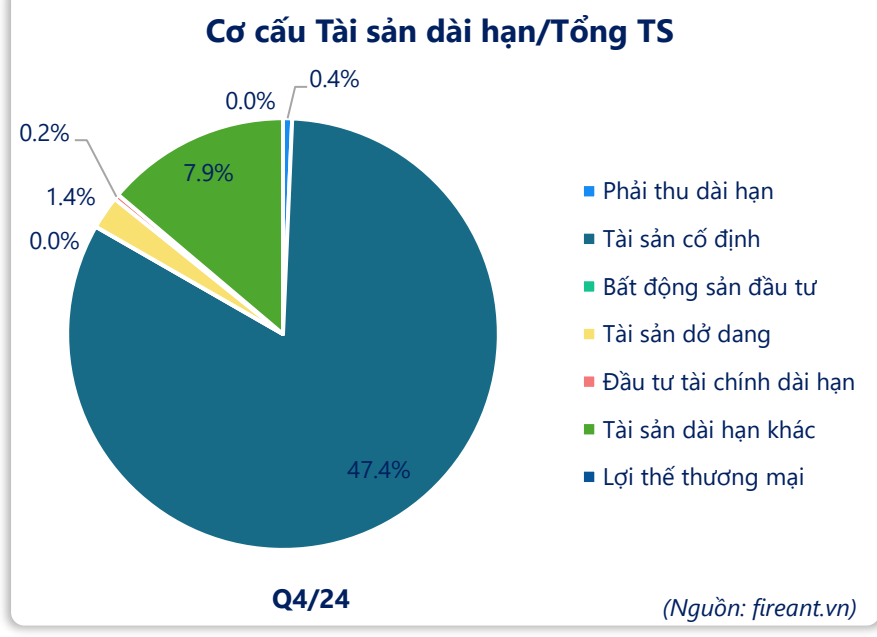
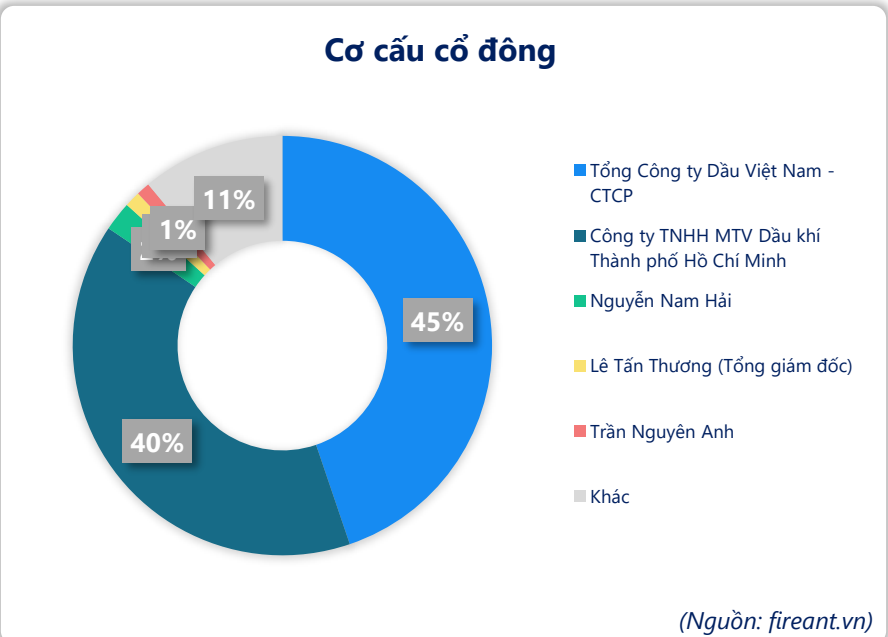
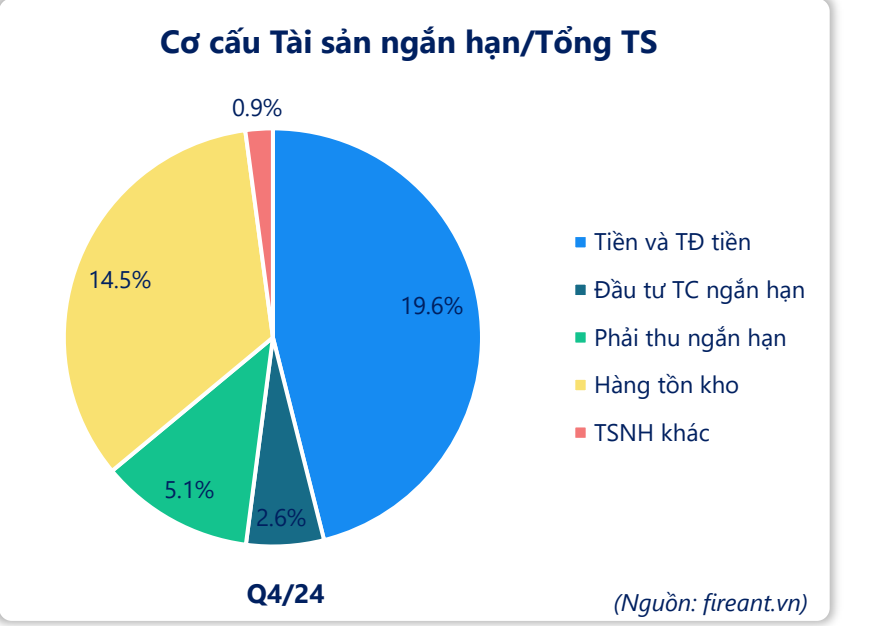
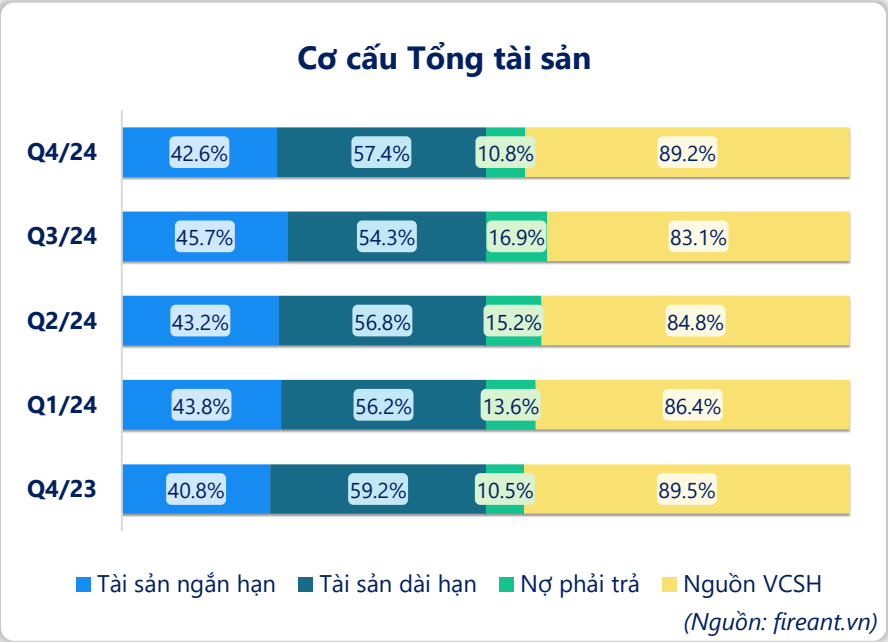
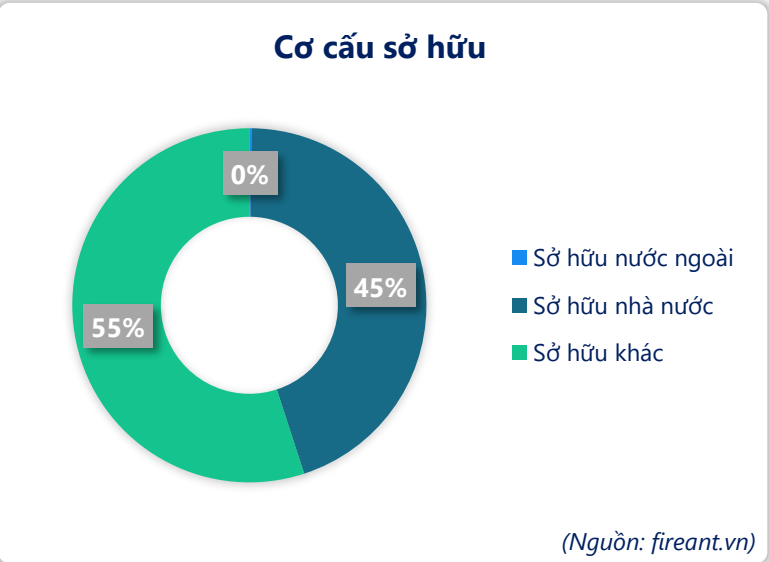
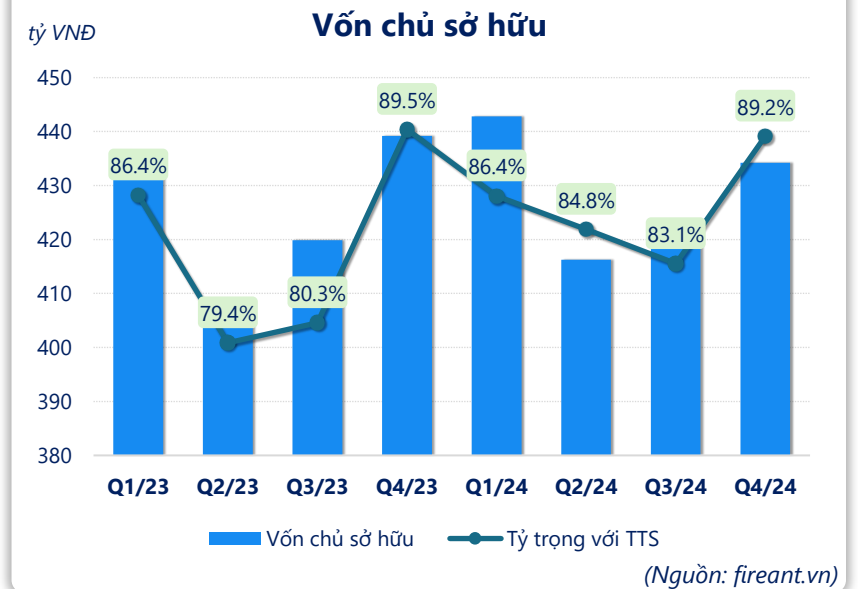
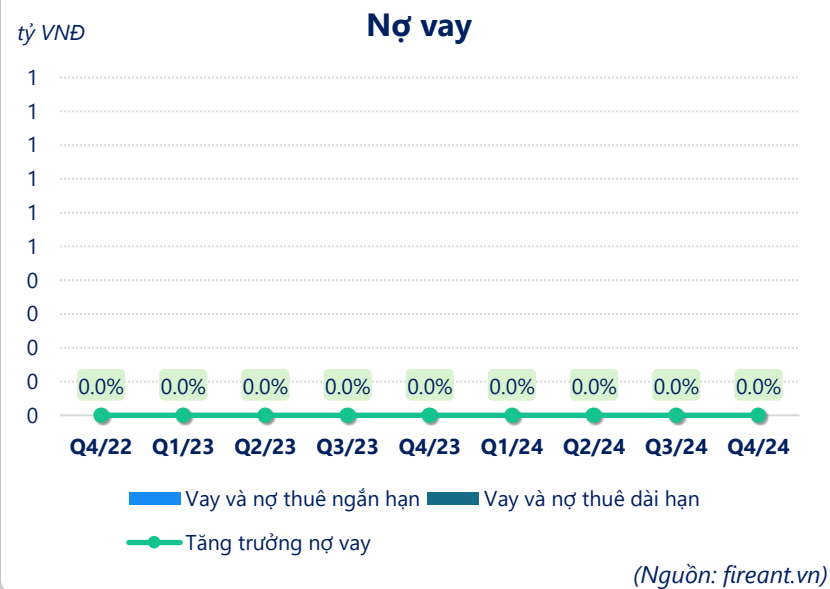
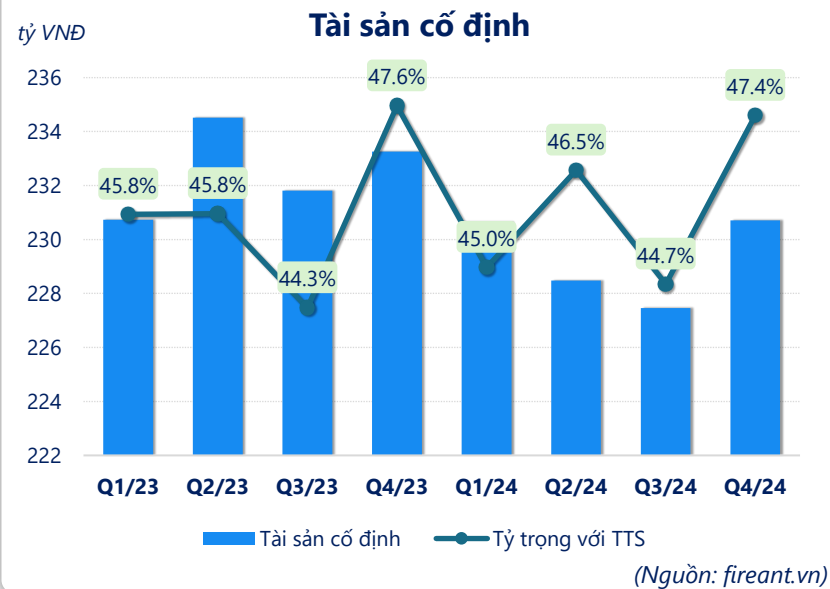
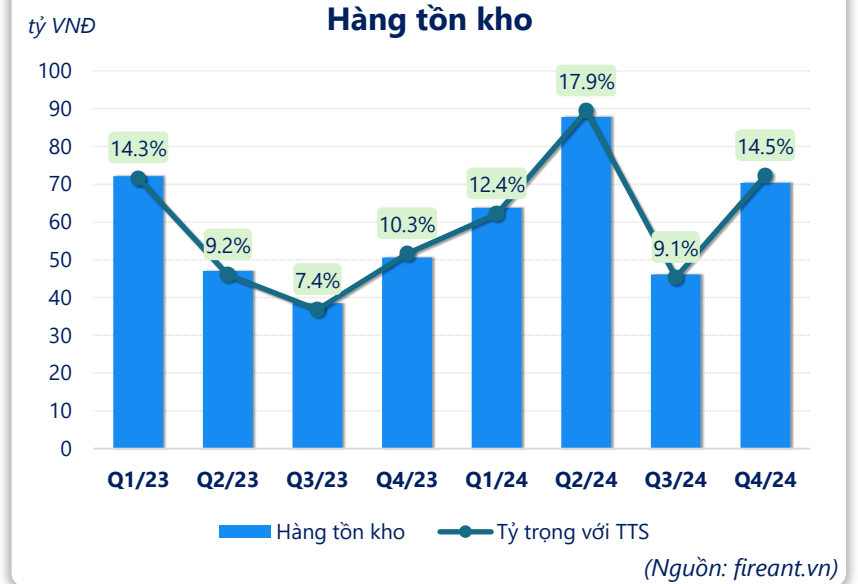
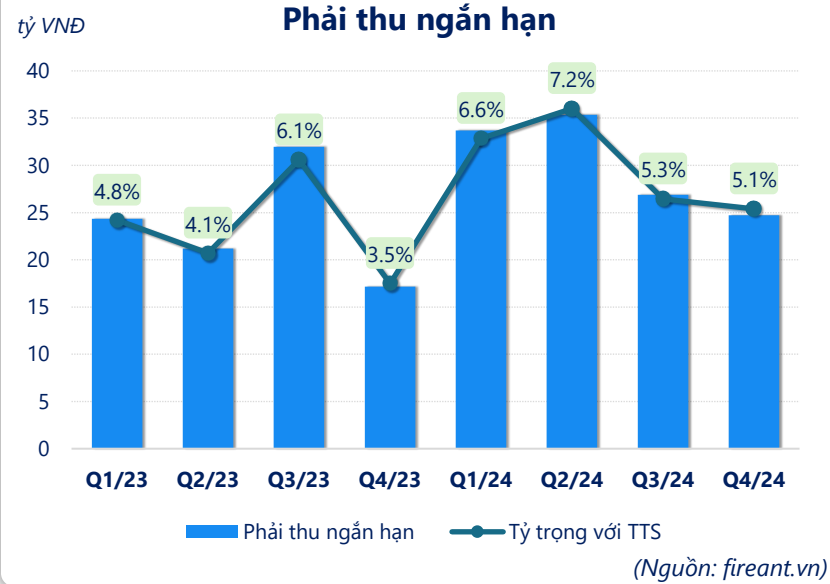
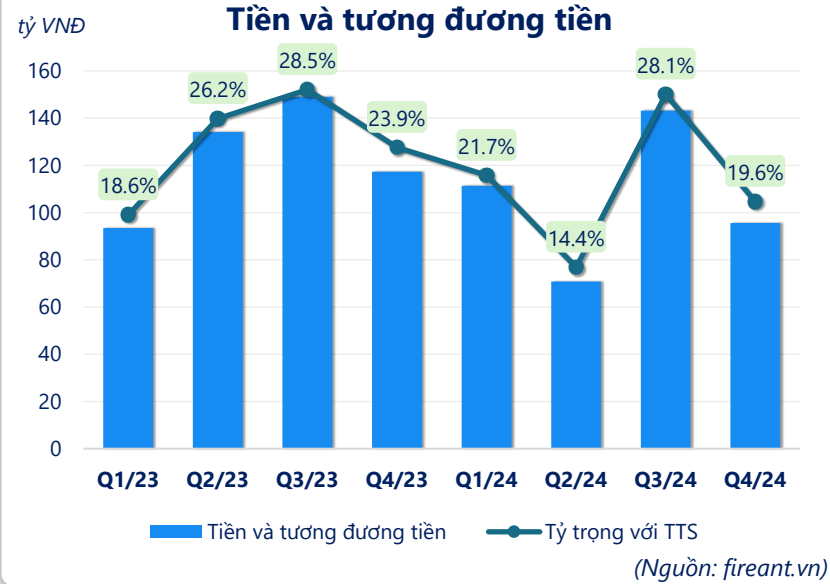
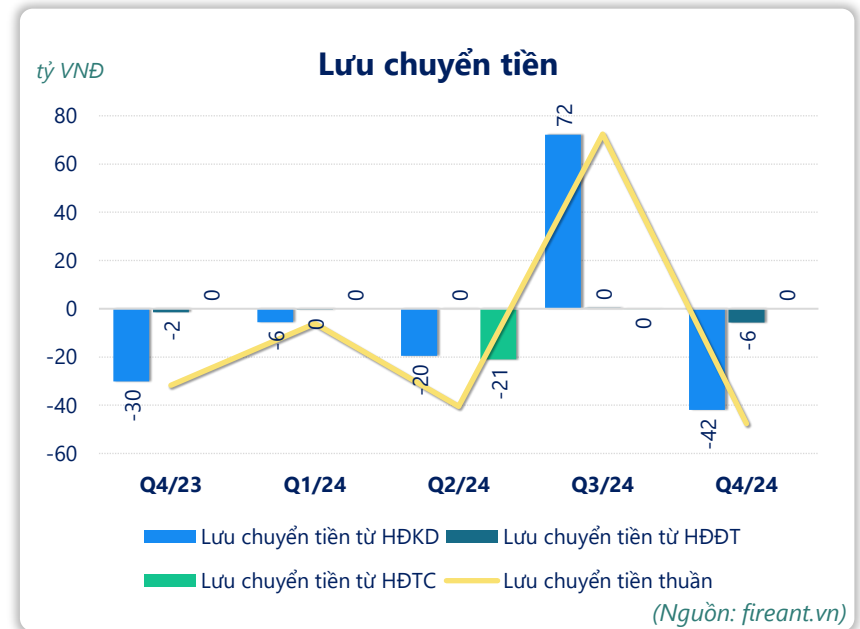
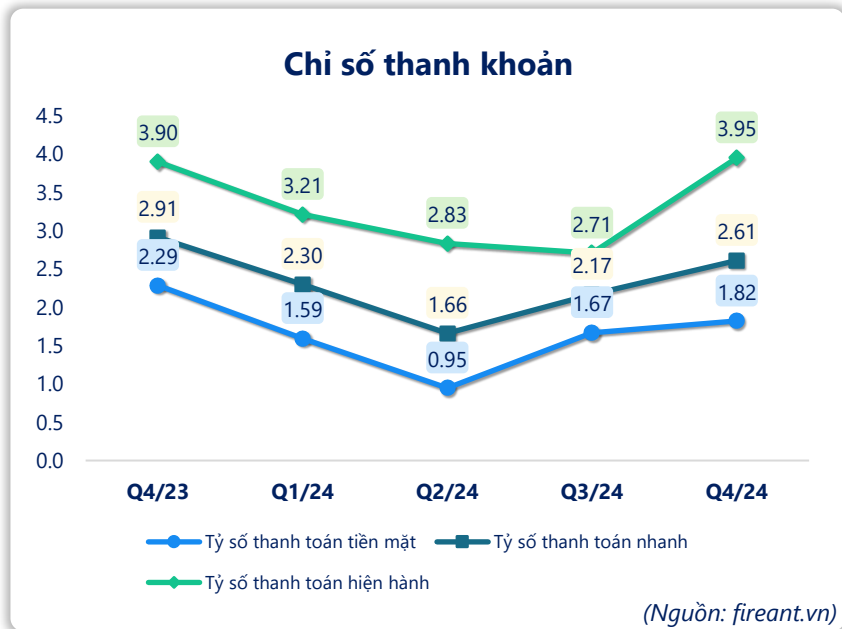
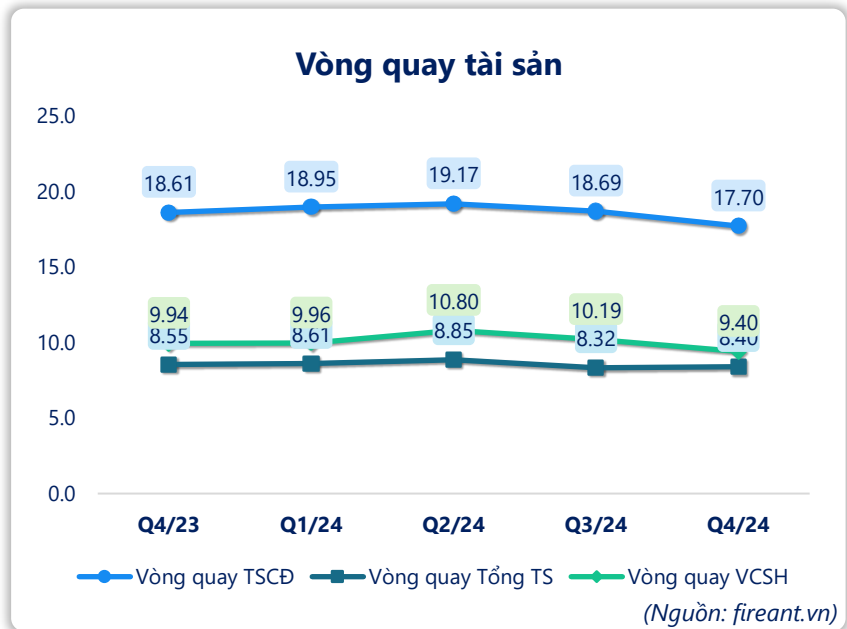
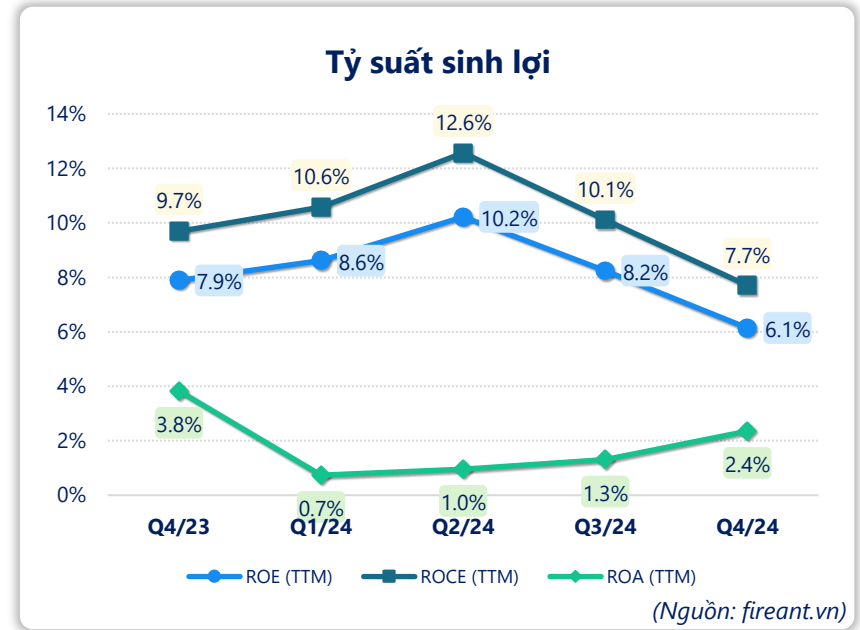
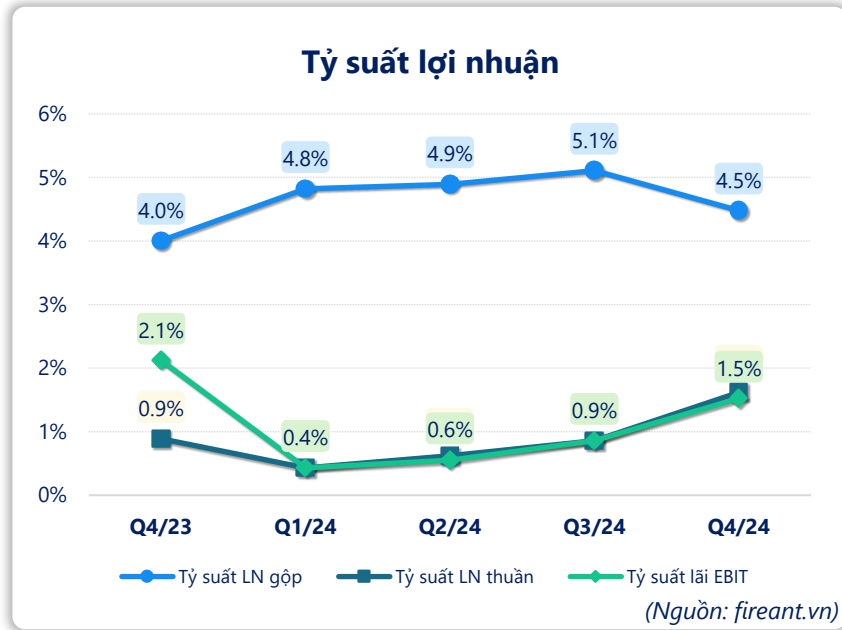
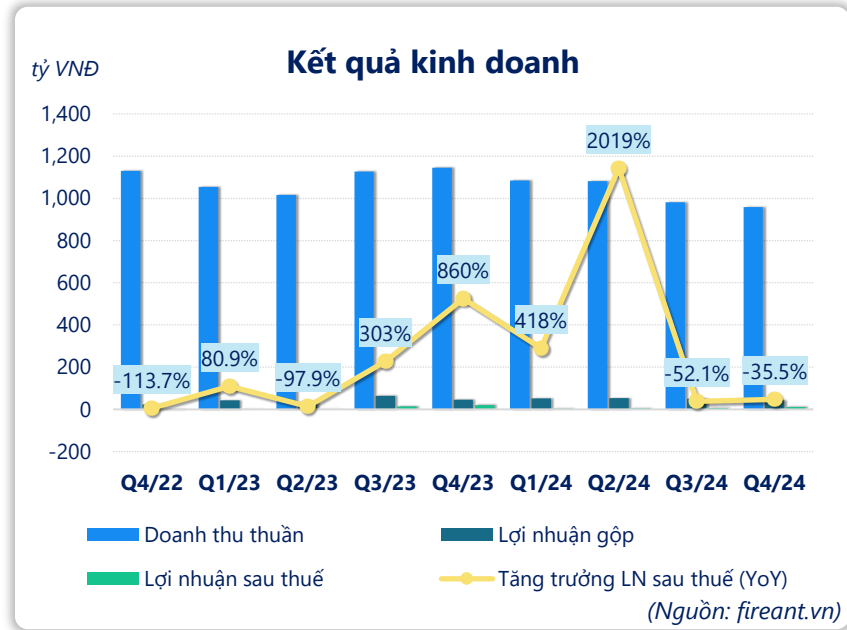


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		29,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		47,366
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		26,650
SL cổ phiếu LH		14,120,628
KLGD BQ 20 phiên (CP)		155
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		414
P/E		15.4
EPS		1,899

	YTD	1T	3T	6T
COM		7.7%	2.3%	-9.8%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	487	490	-0.7%
Tài sản ngắn hạn	207	200	3.8%
Tiền và tương đương tiền	95.6	117	-18.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	12.5	12.4	0.7%
Phải thu ngắn hạn	24.7	17.2	43.6%
Hàng tồn kho	70.3	50.6	38.9%
Tài sản ngắn hạn khác	4.39	2.33	88.3%
Tài sản dài hạn	279	290	-3.8%
Phải thu dài hạn	1.90	1.90	0.0%
Tài sản cố định	231	233	-1.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	6.93	13.6	-49.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	1.11	0.73	52.3%
Tài sản dài hạn khác	38.6	40.8	-5.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	52.5	51.0	2.9%
Nợ ngắn hạn	52.5	51.0	2.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	3.05	2.11	44.3%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	434	439	-1.1%
Vốn chủ sở hữu	434	439	-1.1%
Vốn điều lệ	141	141	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	1,145	1,085	1,082	981	959
Giá vốn hàng bán	1,099	1,032	1,029	931	916
Lợi nhuận gộp	45.8	52.3	52.9	50.1	43.0
Doanh thu HĐTC	0.69	0.42	1.09	1.11	0.53
Chi phí TC	0.67	0.00	-1.44	0.00	0.98
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	32.8	42.2	43.2	38.2	25.0
Chi phí QLDN	2.95	5.83	5.59	4.62	2.01
LN thuần từ HĐKD	10.1	4.67	6.72	8.41	15.5
Lợi nhuận khác	14.1	0.00	-0.76	0.00	-0.92
LN trước thuế	24.3	4.67	5.96	8.41	14.6
Lợi nhuận sau thuế	19.4	3.75	4.82	6.73	11.5
LNST của CĐ cty mẹ	19.4	3.75	4.82	6.73	11.5

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-30.2	-5.62	-19.5	72.2	-41.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-1.52	-0.47	0.05	0.41	-5.71
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	-21.0	-0.16	0
Tiền đầu kỳ	149	117	111	70.8	143
Lưu chuyển tiền thuần	-31.7	-6.09	-40.5	72.4	-47.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	117	111	70.8	143	95.6

(Nguồn: fireant.vn)